CHÍNH PHỦ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 01/2012/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2012*

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ HOẶC BÃI BỎ, HỦY BỎ CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại các Nghị định sau:

1. Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan (sau đây gọi là Nghị định số 100/2006/NĐ-CP).

2. Nghị định số 86/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước (sau đây gọi là Nghị định số 86/2005/NĐ-CP).

3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

4. Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch (sau đây gọi là Nghị định số 92/2007/NĐ-CP).

5. Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (sau đây gọi là Nghị định số 02/2009/NĐ-CP).

6. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành "Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng" (sau đây gọi là Nghị định số 103/2009/NĐ-CP).

Điều 2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính tại các Nghị định quy định tại Điều 1 Nghị định này được thực hiện như sau:

1. Nghị định số 100/2006/NĐ-CP

a) Điều 37 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có tác phẩm, chương trình biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều 13 và Điều 17 của Luật Sở hữu trí tuệ có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nộp một (01) bộ hồ sơ trực tiếp tại Cục Bản quyền tác giả hoặc Văn phòng đại diện của Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện của Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Đà Nẵng hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.”

b) Bổ sung khoản 3 Điều 37 như sau:

“3. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Điều 50 Luật Sở hữu trí tuệ. Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 3 Điều 50 Luật Sở hữu trí tuệ phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được công chứng, chứng thực.”

c) Điều 38 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 như sau:

“1. Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm lưu giữ một bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả, một bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan; một bản đóng dấu ghi số giấy chứng nhận đăng ký gửi trả lại cho chủ thể được cấp giấy chứng nhận quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ, sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.”

2. Nghị định số 86/2005/NĐ-CP

a) Điều 12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 điểm a như sau:

“a) Là đối tượng đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 40 Luật Di sản văn hóa và Điều 16 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP.”

b) Điều 13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức muốn tiến hành thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước phải gửi một (01) bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện để xin phép.”

3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP

a) Điều 8 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Thủ tục cấp phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể được quy định như sau:

a) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài xin nghiên cứu, sưu tầm phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị (Phụ lục I) kèm theo Đề án (Phụ lục II) nói rõ mục đích, địa bàn, thời hạn và đối tác Việt Nam tham gia nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp địa bàn nghiên cứu, sưu tầm có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thì phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp phép. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản."

b) Bổ sung Điều 16a như sau:

"Điều 16a. Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp

1. Tổ chức xin cấp giấy phép khai quật khẩn cấp gửi trực tiếp một (01) bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương nơi có địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai quật khẩn cấp theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa."

c) Điều 21 được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 2 và 3 như sau:

"2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Thủ tục cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài:

a) Có đơn đề nghị (Phụ lục III) gửi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Có giấy chứng nhận chuyển quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ;

c) Một (01) bộ hồ sơ đăng ký di vật, cổ vật."

d) Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 như sau:

"4. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đối với chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:

a) Chủ cửa hàng phải gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia bao gồm:

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ (Phụ lục IV);

Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan;

Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú."

đ) Điều 28 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 như sau:

"3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xác nhận điều kiện thành lập và được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản."

e) Bổ sung Điều 28a như sau:

“Điều 28a. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép và thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động (Phụ lục V) và Đề án hoạt động bảo tàng (Phụ lục VI) đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đặt trụ sở bảo tàng.

2. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng (Phụ lục VII) và văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở bảo tàng.”

4. Nghị định số 92/2007/NĐ-CP

a) Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp du lịch nước ngoài ký.

2. Bản sao hợp lệ giấy đăng ký kinh doanh, điều lệ hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp du lịch nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận; trường hợp thành lập chi nhánh phải có thêm giấy ủy quyền nêu rõ phạm vi ủy quyền cho người đứng đầu chi nhánh.

3. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động thực sự của doanh nghiệp du lịch nước ngoài năm tài chính liền kề với năm xem xét cấp giấy phép (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh).

Các giấy tờ nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.”

b) Điều 23 được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 1, 2 và 3 như sau:

“1. Doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh) hoặc đến cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện).

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi đến, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương thẩm định, cấp giấy phép thành lập chi nhánh cho doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan nhà nước liên quan nơi chi nhánh đặt trụ sở.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi đến, cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh thẩm định, cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan

quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan thống kê và cơ quan nhà nước liên quan nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở."

c) Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 24. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) một (01) bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi như sau:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Thay đổi tên gọi hoặc nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Thay đổi người đứng đầu của chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp du lịch nước ngoài ký;

b) Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đã được cấp.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp gửi đến, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập chi nhánh sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp và gửi bản sao giấy phép thành lập chi nhánh đã được sửa đổi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp gửi đến, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho doanh nghiệp và gửi bản sao giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được sửa đổi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP.

Thời hạn của giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện được sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn của giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đã cấp."

d) Điều 25 được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 1 và 3 như sau:

"1. Trong những trường hợp sau đây, doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến cơ quan đã cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi:

a) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

c) Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài;

d) Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi đến, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện thẩm định, cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp và gửi bản sao giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đã được cấp lại cho các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP."

"3. Trường hợp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy, doanh nghiệp du lịch nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. Doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp du lịch nước ngoài ký đến cơ quan cấp giấy phép được quy định tại Điều 21 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do doanh nghiệp du lịch nước ngoài gửi đến, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện thẩm định, cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp."

đ) Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

"2. Gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày trước khi giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hết hiệu lực, doanh nghiệp gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tới cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền xem xét, gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; nếu được chấp thuận, doanh nghiệp gửi bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan có thẩm quyền để gia hạn. Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan có thẩm quyền phải nêu rõ lý do bằng văn bản."

e) Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 34. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên

1. Người đề nghị cấp, đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Du lịch đến một trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh trong toàn quốc.

2. Người đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Du lịch đến cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi đã được cấp thẻ hướng dẫn viên. Thời hạn của thẻ được cấp lại bằng thời gian còn lại của thẻ đã cấp.

3. Tài liệu gửi kèm hồ sơ là bản sao (khi nộp hồ sơ trực tiếp, người nộp đơn mang bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao công chứng hoặc chứng thực (khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện). Trong trường hợp tài liệu được dịch ra tiếng Việt từ tiếng nước ngoài hoặc tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được công chứng hoặc chứng thực."

5. Nghị định số 02/2009/NĐ-CP

Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 6. Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động thư viện gồm có:

a) Đơn đăng ký hoạt động thư viện (mẫu số 1 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP);

b) Danh mục vốn tài liệu thư viện hiện có (mẫu số 2 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP);

c) Sơ yếu lý lịch của người đứng tên thành lập thư viện có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú;

d) Nội quy thư viện.

2. Số lượng hồ sơ và thời gian giải quyết:

a) Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

b) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện:

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, hướng dẫn thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.

Căn cứ vốn tài liệu ban đầu của thư viện, người đứng tên thành lập thư viện gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định như sau:

a) Thư viện có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thư viện đặt trụ sở.

b) Thư viện có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản gửi hồ sơ đến Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, nơi thư viện đặt trụ sở;

c) Thư viện có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nơi thư viện đặt trụ sở.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đứng tên thành lập thư viện, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện cho thư viện (mẫu số 3 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP). Trong trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản."

6. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP

a) Điều 5 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 như sau:

"4. Thủ tục cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu:

Tổ chức, cá nhân thuộc trung ương đề nghị cấp nhãn kiểm soát gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức, cá nhân thuộc địa phương gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

a) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp nhãn kiểm soát trong đó ghi rõ: Tên băng, đĩa ca nhạc, sân khấu, số quyết định cho phép lưu hành, số lượng nhãn kiểm soát;

- Bản sao quyết định cho phép lưu hành có giá trị pháp lý (đối với trường hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép lưu hành).

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải cấp nhãn kiểm soát; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do."

b) Điều 7 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

"2. Thủ tục cấp giấy phép công diễn:

Tổ chức, cá nhân muốn tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang phải gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép công diễn tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn (ghi rõ tên chương trình, tiết mục, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn);

- Bản nhạc, kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu; ảnh hoặc mẫu thiết kế trang phục trình diễn đối với trình diễn thời trang.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép công diễn; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do; trường hợp cần duyệt chương trình trước khi cấp giấy phép công diễn, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép có trách nhiệm tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt."

c) Điều 8 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

"2. Chủ cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát tổ chức cho đoàn nghệ thuật, nghệ sĩ nước ngoài biểu diễn tại cơ sở của mình không bán vé thu tiền xem biểu diễn phải thông báo bằng văn bản với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sở tại trước 03 ngày theo lịch đã ghi trong thông báo."

d) Điều 14 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14. Các loại triển lãm phải thông báo

Triển lãm văn hóa, nghệ thuật khác của tổ chức, cá nhân Việt Nam không thuộc trường hợp quy định phải xin phép tại Điều 13 Quy chế này phải thông báo với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức triển lãm trước 03 ngày làm việc theo thông báo thời điểm tổ chức triển lãm."

đ) Điều 18 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội: Cơ quan, tổ chức muốn tổ chức lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi đơn đề nghị cấp giấy phép tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức lễ hội trước ngày dự định khai mạc lễ hội ít nhất là 30 ngày làm việc.

a) Nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội (ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống, thời gian, địa điểm tổ chức, dự định thành lập Ban Tổ chức lễ hội, cam kết đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo an ninh, trật tự trong lễ hội).

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm cấp giấy phép tổ chức lễ hội; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp giấy phép trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

e) Bỏ khoản 2 Điều 24 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.

g) Điều 25 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường;

- Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện kinh doanh thực tế và cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

h) Bỏ khoản 5 Điều 30 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.

i) Điều 31 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh số phòng, diện tích từng phòng;

- Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do."

Điều 3. Thay các cụm từ "Bộ Văn hóa - Thông tin", "Sở Văn hóa - Thông tin" bằng "Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch", "Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch" trong toàn bộ các văn bản quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 1 Nghị định này.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ....
Location, date ... month ... year ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
APPLICATION FOR

Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
A license to research on and collect intangible cultural heritage

Kính gửi/To: - Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *(đối với trường hợp địa bàn nghiên cứu, sưu tầm có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)*
Minister of Culture, Sports and Tourism of the Socialist Republic of Viet Nam *(in the case that research and collection sites carried out in more than one province/city under national/governmental authority)*

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố …
Director of Department of Culture, Sports and Tourism of …. Province

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị *(viết chữ in hoa)/* Name of Applicant (Organization and/or Individual *(in capital letters):*

- Ngày tháng năm sinh *(đối với cá nhân)/*Date of birth *(for individual):* .....

.....

- Nơi sinh *(đối với cá nhân)/*Place of birth *(for individual):* .....

Quốc tịch *(đối với cá nhân)/*Nationality *(for individual):* .....

- Hộ chiếu *(đối với cá nhân):* Số: …… Ngày cấp: .....
Passport *(for individual):* No: …… Date of issue: .....

Nơi cấp: …….. Ngày hết hạn: .....
Place of issue: …….. Date of expiry: .....

- Địa chỉ *(trụ sở chính đối với tổ chức/nơi thường trú đối với cá nhân)/*Address *(headquarter of organization/residential address of individual):*.....

Điện thoại/Tel: .....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức)/Legal representative (of organization):*

- Họ và tên *(viết chữ in hoa)/*Full name *(in capital letters):* .....

- Chức vụ/Position: .....

- Quốc tịch/Nationality: …… Điện thoại/Tel: .....

3. Loại hình, đối tượng di sản văn hóa phi vật thể đề nghị được nghiên cứu, sưu tầm/Types, objects of intangible cultural heritage that are applied for research and collection: .....

4. Địa điểm tiến hành nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection site: .....

5. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố … cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể/We propose that the Minister of Culture, Sports and Tourism/ the Director of Department of Culture, Sport and Tourism issue a license for the research on and/or collection of the intangible cultural heritage.

6. Cam kết/We hereby commit: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và sẽ thực hiện nghiên cứu, sưu tầm theo quy định của pháp luật Việt Nam/To take full responsibility for the accuracy of the content of this application and we will undertake the research and collection in accordance with the Vietnamese laws.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ORGANIZATION OR INDIVIDUALS APPLYING FOR THE LICENSE
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Signed, sealed, and name (in case of organization)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ....
Location, date ... month ... year ...

ĐỀ ÁN
PROJECT ON

Nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
Research and collection of intangible cultural heritage

1. Tên gọi Đề án/Project name: .....

2. Nội dung Đề án/Content of project:

- Loại hình, đối tượng nghiên cứu, sưu tầm/Types and objects of collection and research.

- Mục đích nghiên cứu, sưu tầm/Objectives/Aims of the research and collection.

- Địa điểm nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection site.

- Phương pháp nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection methods.

- Kế hoạch, thời gian và kinh phí nghiên cứu, sưu tầm/Plan, timeline and budget for the research and collection.

- Thông tin về tổ chức/cá nhân nghiên cứu, sưu tầm/Information about organization/individual who undertakes the research and collection.

- Đối tác Việt Nam tham gia nghiên cứu, sưu tầm *(nếu có)/*Vietnamese partner involved in the research and collection *(if applicable).*

3. Dự kiến kết quả của Đề án/Expected outcomes of the project.

4. Đánh giá tác động của Đề án đối với di sản văn hóa phi vật thể và cộng đồng chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể/An assessment of the impacts of the project on the intangible cultural heritage and owners of the intangible cultural heritage.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LẬP ĐỀ ÁN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL DESIGNING THE PROJECT
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Signed, sealed, and full name (in case of organization)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …… tháng ….. năm …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị *(viết chữ in hoa):* .....

- Ngày tháng năm sinh *(đối với cá nhân):* .....

- Nơi sinh *(đối với cá nhân):* .....

- Chứng minh thư nhân dân *(đối với cá nhân):* Số .....

Ngày cấp …….. Nơi cấp .....

- Địa chỉ *(nơi thường trú đối với cá nhân):* .....

- Điện thoại: .....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức):*

- Họ và tên *(viết chữ in hoa):* .....

- Chức vụ: …….. Điện thoại: .....

3. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài cho … *(số lượng)* di vật, cổ vật thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ……. *(tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép).*

- Mục đích: .....

- Nơi mang đến: .....

Danh sách di vật, cổ vật cụ thể như sau:

STT	**Tên di vật, cổ vật**	**Đặc điểm chính**	**Nguồn gốc**	**Ghi chú**
1				
2				
…				

4. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hiện vật và tính chính xác, trung thực của việc chuyển quyền sở hữu và hồ sơ đăng ký của những di vật, cổ vật đề nghị cấp phép mang ra nước ngoài kể trên; cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình làm thủ tục đề nghị cấp phép mang ra nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày …… tháng ….. năm …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố …

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị *(viết chữ in hoa):* .....

- Ngày tháng năm sinh *(đối với cá nhân):* .....

- Nơi sinh *(đối với cá nhân):* .....

- Chứng minh thư nhân dân *(đối với cá nhân):* Số .....

Ngày cấp …….. Nơi cấp .....

- Địa chỉ *(nơi thường trú đối với cá nhân):* .....

- Điện thoại: .....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức):*

- Họ và tên *(viết chữ in hoa):* .....

- Chức vụ: …….. Điện thoại: .....

3. (Nêu chi tiết về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm liên quan tới di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ).

4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố …. cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho ….. *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép).*

5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ hành nghề mua bán di vật; cổ vật, bảo vật quốc gia theo đúng quy định của pháp luật sau khi được cấp chứng chỉ.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

	……., ngày …… tháng ….. năm …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố …

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị *(viết chữ in hoa):* .....
- Ngày tháng năm sinh *(đối với cá nhân):* .....
- Nơi sinh *(đối với cá nhân):* ……Quốc tịch *(đối với cá nhân):* .....
- Chứng minh thư nhân dân *(đối với cá nhân người Việt Nam):* Số ……...
Ngày cấp …….. Nơi cấp .....
- Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài):* Số .....
Ngày cấp …… Nơi cấp …….. Ngày hết hạn .....
- Địa chỉ *(nơi thường trú đối với cá nhân):* .....
- Điện thoại: .....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức):*
- Họ và tên *(viết chữ in hoa):* .....
- Chức vụ: .....
- Quốc tịch: …… Điện thoại: .....

3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động: .....
.....

(Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố …. xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho … *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép).*

5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật sau khi được cấp giấy phép.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

PHỤ LỤC VI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày …… tháng ….. năm …..

ĐỀ ÁN

Hoạt động bảo tàng (tên bảo tàng) ……..

1. Tên gọi, địa chỉ, địa bàn hoạt động: .....

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của (tên bảo tàng): .....

3. Nội dung trưng bày chính: .....

4. Danh sách hiện vật (sưu tập chính): .....

5. Đối tượng phục vụ: .....

6. Phương án và kế hoạch hoạt động của (tên bảo tàng): .....

7. Tổ chức bộ máy, nhân sự: .....

8. Trụ sở làm việc (địa điểm, diện tích nhà làm việc; diện tích nhà trưng bày, diện tích kho bảo quản, …) và trang thiết bị, phương tiện phục vụ: .....

9. Kinh phí: .....

10. Kiến nghị của tổ chức/cá nhân xây dựng đề án cấp giấy phép hoạt động (tên bảo tàng).....

(Đối với việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập thuộc doanh nghiệp, ngoài các nội dung trên đây, đề án còn có các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và hướng dẫn của các cơ quan có liên quan)

XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NƠI ĐẶT TRỤ SỞ CỦA BẢO TÀNG	**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
	Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
	Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

……....., ngày …… tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố …

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị *(viết chữ in hoa):* **.....**

- Ngày tháng năm sinh *(đối với cá nhân):* **.....**
- Nơi sinh *(đối với cá nhân):* ..... Quốc tịch *(đối với cá nhân):* ……..
- Chứng minh thư nhân dân *(đối với cá nhân người Việt Nam):* Số **.....**

Ngày cấp …….. Nơi cấp .....

- Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài):* Số .....

Ngày cấp …….. Nơi cấp …… Ngày hết hạn.....

- Địa chỉ *(nơi thường trú đối với cá nhân):* **.....**
- Điện thoại: .....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức):*

- Họ và tên *(viết chữ in hoa):* **.....**
- Chức vụ: **.....**
- Quốc tịch: ……..Điện thoại: .....

3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động: .....

.....

(Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố …. cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho ….. *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép).*

5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật sau khi được cấp giấy phép.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)